

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79 /2018/HS-ST
Ngày 04 - 4 -2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hồng Gấm.
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2018/HSST ngày 26 tháng 01 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2018/HSST-QĐ ngày 26/02/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2018/HSST ngày 14/3/2018 đối với bị cáo:

Lê Văn L, sinh năm 1994 tại tỉnh Nghệ An; thường trú: Xóm 16 xã T huyện L, tỉnh Nghệ An; tạm trú: 90A/24 khu phố Đ1, phường B, thị xã K, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Lê Xuân N (đã chết) và con bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1952; có vợ tên Nguyễn Thị L, sinh năm 1996 và có 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 03/10/2017 đến ngày 02/01/2018 được hủy bỏ biện pháp tạm giam bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

Nguyên đơn dân sự: Công ty TNHH Điện Tử T. Địa chỉ: Đường số 4, khu công nghiệp B, phường H, thị xã K, tỉnh Bình Dương. Ông H tổng giám đốc, ông H ủy quyền cho ông Nguyễn Hữu D, sinh năm 1947; thường trú: 6/51 đường số 3, cư xá G, phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh (theo giấy ủy quyền ngày 03/10/2017), có mặt

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty TNHH MTV vận tải Đ; địa chỉ: 12/42 khu phố Đ1, phường B, thị xã K, tỉnh Bình Dương, ông Lê Đức A, sinh năm 1971 là đại diện theo pháp luật, vắng mặt.

2. Chị Lê Thị X, sinh năm 1982 và anh Lê Viết H, sinh năm 1984; tạm trú: 1058/17B khu phố T, phường H, thị xã K, tỉnh Bình Dương, vắng mặt

3. Ông Nguyễn Văn E, sinh năm 1966; địa chỉ: 67/8C khu phố T, phường H, thị xã K, tỉnh Bình Dương, vắng mặt

4. Chị Lê Thị T, sinh năm 1985; địa chỉ: 33/9 đường V, khu phố 2, phường B, thị xã K, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

5. Chị Trịnh Thị H, sinh năm 1978; địa chỉ: 365 đường V, khu phố 2, phường B, thị xã K, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

6. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1996; địa chỉ: 90A/24 khu phố Đ1, phường B, thị xã K, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng

1. Anh Phí Văn H, sinh năm 1980; thường trú: Khu phố A, phường H, thị xã K, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1995; thường trú: 109/2A khu phố A, phường H, thị xã K, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

3. Anh Lưu Văn T, sinh năm 1990; thường trú: Đường số 4, khu phố T, phường H, thị xã K, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

4. Anh Trần Văn D, sinh năm 1995; thường trú: Đường số 4, khu phố T, phường H, thị xã K, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

5. Anh Lê Văn K, sinh năm 1987; địa chỉ: 43/32 khu phố Đ1, phường B, thị xã K, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

6. Anh Trần Duy S, sinh năm 1985; tạm trú: Hẻm 528 phường M, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

7. Anh Thiệu Thọ N, sinh năm 1992; tạm trú: Khu phố Đ4, phường B, thị xã K, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

8. Anh Lâm Chí B, sinh năm 1995; thường trú: Ấp N xã Y, huyện B, tỉnh Kiên Giang, vắng mặt.

9. Anh Trương Văn A, sinh năm 1991; thường trú: Thôn L, xã Đ, huyện H, tỉnh Phú Yên, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Lê Văn L lái xe cho công ty TNHH MTV vận tải Đ (gọi tắt Công ty Châu Anh Đức), công ty Châu Anh Đức ký hợp đồng vận chuyển hàng hóa với Công ty TNHH Điện Tử T (gọi tắt Công ty Điện Tử T) để vận chuyển hàng hóa từ công ty Điện Tử T đến Công ty Sam Sung HCM CE COMPLEX (gọi tắt Công ty Sam Sung).

Cách thức vận chuyển: Công ty Điện Tử T đóng gói vỏ ti vi, vỏ máy tính vào các xe đẩy hàng nhãn hiệu Rear Cover Trolley, dùng xe nâng đưa lên các xe tải Công ty Châu Anh Đức, ghi phiếu xuất kho, số lượng xe đẩy hàng, giao tài xế xe. Tài xế xe chở đến Công ty Sam Sung, nhân viên công ty Điện Tử T tại Công ty Sam Sung kiểm tra số lượng hàng tại phiếu xuất kho đẩy vào trong xưởng Công ty Sam Sung. Tài xế xe Công ty Châu Anh Đức nhận các xe đẩy hàng nhãn hiệu Rear Cover Trolley (xe rỗng do không chứa hàng điện tử), nhận phiếu xuất kho thể hiện số lượng xe đẩy hàng Rear Cover Trolley, biển số xe, ngày giờ...từ nhân viên Công ty Điện Tử T tại Công ty Sam Sung chở về giao lại công ty Điện Tử T.

Khi chở các xe đẩy hàng nhãn hiệu Rear Cover Trolley về Công ty Điện Tử T, L là tài xế xe Công ty Châu Anh Đức đã bán 01 số xe đẩy hàng lấy tiền sử dụng riêng, cụ thể như sau:

+ Khoảng 7 giờ ngày 15/9/2017, bị cáo L điều khiển xe ô tô nhãn hiệu CNHTC, biển số 60C -098.52 chở các xe đẩy hàng nhãn hiệu Rear Cover Trolley đến công ty Sam Sung, đến 10 giờ 10 phút cùng ngày L nhận 13 xe đẩy hàng nhãn hiệu Rear Cover Trolley chở về giao lại Công ty Điện Tử T, khi điều khiển xe lưu thông trên đường V, phường B, thị xã K, tỉnh Bình Dương, L dừng xe tại tiệm mua bán phế liệu của chị Lê Thị T lấy 02 xe đẩy hàng nhãn hiệu Rear Cover Trolley bán cho chị T được 670.000 đồng.

+ Khoảng 9 giờ ngày 18/9/2017, khi chở 11 xe đẩy hàng nhãn hiệu Rear Cover Trolley về giao Công ty Điện Tử T, L lấy 02 xe bán cho chị Lê Thị X được 600.000 đồng

+ Ngày 27/9/2017, khi chở 14 xe đẩy hàng nhãn hiệu Rear Cover Trolley về giao Công ty Điện Tử T, L lấy 02 xe bán cho chị Lê Thị T được 670.000 đồng. Chị T bán 02 xe đẩy hàng này chị Trịnh Thị H với giá 1.050.000 đồng (chị H chưa trả tiền)

+ Ngày 29/9/2017, khi chở 14 xe đẩy hàng nhãn hiệu Rear Cover Trolley về giao Công ty Điện Tử T, L lấy 02 xe bán cho chị Lê Thị X được 600.000 đồng. 04 xe đẩy hàng khi mua từ L chị X bán cho ông Nguyễn Văn E giá 2.000.000 đồng.

Ngày 02/10/2017, đại diện công ty TNHH Điện Tử T đến Công an KCN Sóng Thần trình báo việc mất các xe đẩy hàng, ngày 03/10/2017 bị cáo L đến Công an KCN Sóng Thần đầu thú khai nhận hành vi phạm tội.

Vật chứng thu giữ : 08 xe đẩy hàng nhãn hiệu Rear Cover Trolley bị cáo L đã bán cho chị Lê Thị T, Lê Thị X; 25 xe đẩy hàng nhãn hiệu Rear Cover Trolley (xe đã bị tháo rời nhiều bộ phận) thu giữ từ chị Lê Thị T

Kết luận định giá số 264/BB.ĐG ngày 11/10/2017; 347/BB-ĐG ngày 13/12/2017 kết luận 08 xe đẩy hàng nhãn hiệu Rear Cover Trolley L chiếm đoạt bán cho chị T, chị X có trị giá 46.750.280 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Số tiền 1.340.000 đồng chị T đưa L trong việc mua 4 xe, gia đình bị cáo L đã trả lại chị T. Chị Lê Thị X yêu cầu bị cáo L trả lại số tiền

1.200.000 đồng bị cáo L bán 4 xe cho chị X và yêu cầu bị cáo L trả số tiền 7.500.000 đồng do L bán 25 xe đẩy hàng nhãn hiệu Rear Cover Trolley.

Cáo trạng số 43/CT-VKS ngày 24/01/2018, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Lê Văn L về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo điểm a, khoản 1 Điều 140, Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã nêu, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140, điểm b, g, p khoản 1, 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 và Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo L từ 1 năm 6 tháng đến 2 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 3 năm đến 4 năm.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án bị cáo L nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin lỗi ông Nguyễn Hữu D là đại diện cho công ty TNHH Điện Tử T. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức án thấp nhất cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên Tòa bị cáo Lê Văn L khai nhận bị cáo là tài xế xe cho công ty TNHH MTV vận tải Đ. Vào các ngày 15, 18, 27, 29 /9/2017 khi điều khiển xe ô tô nhãn hiệu CNHTC, biển số 60C -098.52 chở xe đẩy hàng nhãn hiệu Rear Cover Trolley từ Công ty Sam Sung HCM CE COMPLEX về giao cho Công ty Điện Tử T, L đã bán 08 xe đẩy hàng cho chị Lê Thị T và chị Lê Thị X lấy 2.540.000 đồng sử dụng riêng, trị giá 08 xe đẩy hàng L mang bán có trị giá 46.750.280 đồng.

Tại Điều 140 Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 quy định.

1. Người nào có một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ bốn triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới bốn triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó;

b)...

Như vậy, bị cáo Lê Văn L lợi dụng sự tin tưởng khi công ty TNHH MTV vận tải Đ giao chở các xe đẩy hàng nhãn hiệu Rear Cover Trolley từ Công ty Sam Sung HCM CE COMPLEX về cho Công ty Điện Tử T, L đã bán 08 xe đẩy hàng cho chị Lê Thị T và chị Lê Thị X lấy 2.540.000 đồng sử dụng riêng, trị giá 08 xe đẩy hàng L mang bán có trị giá 46.750.280 đồng. Hành vi trên của bị cáo L đủ yếu tố cấu thành tội Lợi dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Bản cáo trạng số 43/CT – VKS ngày 24/01/2018 của Viện kiểm sát thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo cũng như bản luận tội của Kiểm sát viên ngày hôm nay đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất mức độ tội phạm: Tội phạm do bị cáo L thực hiện là ít nghiêm trọng, bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo thực hiện phạm tội một cách cố ý. Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến tài sản của nguyên đơn dân sự Công ty TNHH Điện Tử T được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Do vậy, hành vi trên của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm, Hội đồng xét xử cũng xem xét đến các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo, đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành người công dân có ích cho gia đình, xã hội cũng như có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo L 04 lần bán tài sản, thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần quy định điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã khắc phục một phần hậu quả; bị cáo phạm tội nhưng chưa gây ra thiệt hại; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã ra đầu thú. Tình tiết trên được quy định tại điểm b, g, p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo L có nhân thân tốt thể hiện việc có việc làm ổn định, bị cáo không có tiền án, tiền sự, bị cáo là lao động chính trong gia đình đang nuôi con sinh năm 2015.

Bị cáo Lê Văn L phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, việc áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo và giao bị cáo về chính quyền địa phương nơi cư trú để giám sát, giáo dục cũng có tác dụng giáo dục, răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra chị Lê Thị X yêu cầu bị cáo L trả số tiền 1.200.000 đồng là tiền L bán 04 xe cho chị X, xe trên đã thu hồi trả nguyên đơn dân sự. Do vậy, buộc bị cáo L phải trả chị X khoản tiền trên là phù

hợp. Đối với số tiền 1.340.000 đồng L bán 04 xe cho chị Lê Thị T, gia đình bị cáo L đã trả lại chị T khoản tiền trên. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đối với yêu cầu của chị Lê Thị X yêu cầu bị cáo L trả số tiền 7.500.000 đồng do L bán 25 xe đẩy hàng nhãn hiệu Rear Cover Trolley; Công ty TNHH Điện Tử T yêu cầu bồi thường 102.370.620 đồng. Do chưa chứng minh được bị cáo L bán các xe trên. Công an thị xã Dĩ An tách điều tra xác minh xử lý sau là phù hợp.

[6] Về vật chứng: Quá trình điều tra thu giữ 08 xe đẩy hàng nhãn hiệu Rear Cover Trolley bị cáo L bán cho chị T, chị X. 25 xe đẩy hàng nhãn hiệu Rear Cover Trolley thu giữ từ chị T, cơ quan điều tra đã trả lại Công ty TNHH Điện Tử T là phù hợp pháp luật.

[7] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương đưa ra tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, mức hình phạt đối với bị cáo L. Xét quan điểm trên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử do vậy được chấp nhận.

[8] Án phí sơ thẩm: Bị cáo L phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm, án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn L phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 140, điểm b, g, p khoản 1, 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 và Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Nghị quyết 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt bị cáo Lê Văn L 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Văn L cho Ủy ban nhân dân phường B, thị xã K, tỉnh Bình Dương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo L thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 của Luật Thi Hành án Hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Điều 584, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Lê Văn L phải trả lại cho chị Lê Thị X số tiền 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14.

Bị cáo Lê Văn L phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã;
- Công an thị xã;
- Chi cục THA dân sự thị xã;
- Trại tạm giam CA tỉnh BD;
- TAND tỉnh BD;
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú;
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD;
- Phòng PC 81 CA tỉnh BD;
- Bị cáo;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Linh